VPBank

BIỂU PHÍ
THẺ TÍN DỤNG VPBANK

	VPBank No.1 MasterCard	MC2 Credit	Lady Credit	StepUp Credit	Vpbank Platinium Credit	VNAirline VPBank Platinium Credit	Mobifone – VPBank Classic MasterCard	Mobifone – VPBank Titanium MasterCard	Mobifone – VPBank Platinum MasterCard	World MasterCard	World Lady MasterCard	VPBank Priority Platinium Credit	VNAirline - VPBank Priority Platinium MasterCard
1. Phí phát hành thẻ	Không thu phí									1.000.000 VND		Không thu phí	
2. Phí thanh lý/ tất toán thẻ										Không thu phí			
3. Phí thường niên													
3.1 Thẻ chính	150.000 VND	299.000 VND	499.000 VND	499.000 VND	699.000 VND	899.000 VND	299.000 VND	499.000 VND	699.000 VND	1.500.000 VND		Không thu phí	Không thu phí
3.2 Thẻ phụ	Không thu phí	150.000 VND	Không thu phí	200.000 VND	250.000 VND	Không thu phí	150.000 VND	200.000 VND	250.000 VND	Không thu phí	Không thu phí	Không thu phí	Không thu phí
4. Phí thay thế/ cấp lại thẻ/PIN													
4.1 Phí phát hành lại thẻ bị mất	200.000 VND						200.000VND			Không thu phí		Không thu phí	
4.2 Thay đổi hạng thẻ hoặc loại thẻ	100.000 VND						100.000 VND						
4.3 Cấp lại PIN	30.000 VND						30.000 VND						
4.4 Phí thay thế thẻ													
a. Phí thay thế (do hư hỏng)	150.000 VND						150.000 VND			Không thu phí		150.000 VND	
b. Phí thay thế (do hết hạn)	Không thu phí						Không thu phí					Không thu phí	
5. Phí xác nhận tài khoản/ phí thay đổi/ phí trả chậm.													
5.1 Xác nhận tài khoản theo yêu cầu	50.000 VND						50.000 VND			Không thu phí		Không thu phí	
5.2 Phí thay đổi hạn mức tín dụng	Không thu phí						Không thu phí						
5.3 Phí thay đổi loại tài sản đảm bảo	100.000 VND											100.000 VND	
5.4 Phí trả chậm	5% (TT: 149.000 VND, TĐ: 999.000 VND)	5%(TT: 149.000 VND, TĐ:999.000VND	5%(TT: 199.000 VND, TĐ: 999.000 VND)		5% (TT: 249.000 VND, TĐ: 999.000 VND)		5% (TT: 149.000 VND, TĐ: 999.000 VND)	5%(TT: 199.000 VND, TĐ: 999.000 VND)	5%(TT: 249.000 VND, TĐ: 999.000 VND)	Không thu phí		5% (TT: 249.000 VND, TĐ: 999.000 VND)	
6. Cấp lại sao kê tài khoản, bản sao hóa đơn													
6.1 Sao kê hằng tháng	Không thu phí						Không thu phí			Không thu phí		Không thu phí	
6.2 Cấp lại sao kê (nhận tại quầy)	80.000 VND						80.000 VND						
6.3 Cấp lại sao kê(nhận qua đường bưu điện, đã bao gồm phí chuyển phát)	100.000 VND						100.000 VND						
6.4 Phí yêu cầu bản sao hóa đơn	80.000 VND/ Hóa đơn						80.000 VND/ hóa đơn						
7. Tra soát (thu trong trường hợp kiểu nại sai)	100.000 VND						100.000 VND						
8. Phí ứng trước tiền mặt (trên mỗi giao dịch)	0% tại ATM của VP Bank	4% (TT: 100.000 VND)					0%	4% (TT: 100.000 VND)				4% (TT: 100.000 VND)	
9. Xử lý giao dịch quốc tế (không áp dụng giao dịch bằng VND)	3% giá trị giao dịch						3% giá trị giao dịch			2,5% giá trị giao dịch		3% giá trị giao dịch	
Note: Giá trên chưa bao gồm 10% VAT													